

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 2015

(Đính kèm Quyết định số: 1516 /QĐ-KHTN ngày 25/9/2015)

STT	SBD	MSSV cũ	MSSV mới	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	ANH VĂN	Ghi chú
1	SPS001231	1512019	1551001	NGUYỄN TĂNG BẢO AN	08/02/1997	25.50	IELTS 7.5	
2	SPS001168	1512021	1551002	TRẦN NGUYỄN HOÀNG AN	11/03/1997	24.75	IELTS 5.5	
3	SPS001298	1512022	1551003	LÊ DUY BÁCH	08/10/1997	25.50	IELTS 7.0	
4	QST100148	1512048	1551004	DARMA LÊ MẠNH CƯỜNG	21/04/1997		C1 (87)	TT
5	SGD001529	1512056	1551005	ĐÀO THANH DANH	26/10/1997	24.25	C2 (116)	
6	SPS003388	1512070	1551006	NGUYỄN TRẦN HOÀNG DUY	18/01/1997	23.75	B2 (69)	
7	SPS006857	1512175	1551007	LÂM TẤT HOÀNG	07/01/1997	23.50	C1 (84)	
8	SPS006977	1512181	1551008	TẠ HUY HOÀNG	07/11/1997	24.00	IELTS 6.5	
9	QGS007561	1512223	1551009	NGUYỄN LÊ HÙNG	04/10/1997	24.75	B2 (79)	
10	SPS008022	1512224	1551010	NGUYỄN THÁI HÙNG	04/10/1997	25.00	B2 (77)	
11	QST100095	1512228	1551011	TRẦN TRIỀU HƯNG	22/10/1997		TOEFL 83	TT
12	SPS007696	1511118	1551012	TRIỆU QUỐC HUY	16/12/1997	22.50	C1 (84)	ĐT6
13	QST100149	1512248	1551013	NGÔ VĂN KHAI	19/01/1997		C1 (86)	TT
14	QST100096	1512235	1551014	PHAN NHẬT KHANG	21/01/1997		TOEFL 94	TT
15	SPK005639	1512243	1551015	ĐỖ MINH KHÁNH	15/10/1997	23.00	B1 (46)	KV1
16	SGD005884	1512255	1551016	NGUYỄN PHÚ KHOA	02/01/1997	24.75	C1 (86)	
17	DTT005994	1512266	1551017	NGUYỄN KHƯƠNG	22/03/1997	23.75	B2 (79)	
18	TTG008406	1512301	1551018	HUỲNH VINH LỘC	16/10/1997	26.00	B1 (42)	
19	SPS010673	1512294	1551019	LÝ KIM LONG	20/07/1997	24.00	C2 (105)	
20	SPS011197	1512309	1551020	VÕ TRẦN THANH LƯƠNG	20/09/1997	25.50	C2 (108)	
21	SPS011289	1512315	1551021	BÙI NGỌC THANH MAI	11/09/1997	24.50	C1 (93)	
22	SPD006641	1512362	1551022	ĐẶNG SĨ NGŨ	25/08/1997	24.00	C1(94)	
23	SPS013607	1512356	1551023	HỒ SỸ NGUYỄN	23/01/1997	24.00	C1 (97)	
24	DND015703	1512367	1551024	MAI THIỆU NHÂN	03/01/1997	24.00	B2 (63)	
25	YDS011372	1512426	1551025	LIÊNG THẾ PHÝ	26/07/1997	25.50	C1 (82)	
26	QGS015319	1512441	1551026	VŨ HOÀNG QUÂN	18/06/1997	24.00	B2 (69)	
27	TDL011690	1520149	1551027	NGUYỄN NGỌC LONG QUÂN	01/04/1997	22.00	B1 (58)	KV1
28	TSN012652	1512427	1551028	DƯƠNG NHẬT QUANG	17/05/1997	23.75	C1 (98)	
29	HUI012519	1512435	1551029	NGUYỄN TRỊNH NHẬT QUANG	03/09/1997	24.50	C1 (82)	
30	SPS018537	1512485	1551030	NGUYỄN TRẦN TRỌNG TÂM	06/05/1997	25.25	C1 (81)	
31	SPS019206	1512507	1551031	ĐINH ĐẠT THÀNH	11/03/1997	24.50	IELTS 6.5	
32	SPS019348	1512513	1551032	TÔ MINH THÀNH	26/10/1997	24.75	C2 (105)	
33	QGS017155	1512514	1551033	TRẦN TIẾN THÀNH	21/06/1997	24.75	IELTS 6.5	
34	DTT013084	1512531	1551034	LÂM LÊ THANH THÊ	11/08/1997	27.75	C1 (99)	
35	DHU021862	1512541	1551035	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH THI	25/06/1997	23.50	C1 (85)	
36	TDL013888	1512536	1551036	NGUYỄN KHẮC THIÊN	16/05/1997	25.75	IELTS 7.5	
37	TAG015304	1512539	1551037	TRẦN TRÍ THIÊN	27/06/1997	24.25	C2 (106)	
38	DQN021737	1512547	1551038	NGUYỄN TRẦN PHƯỚC THỊNH	14/04/1997	24.50	B2 (64)	
39	SPS020594	1512553	1551039	TRẦN THOẠI THÔNG	13/11/1997		C1 (96)	TT

STT	SBD	MSSV cũ	MSSV mới	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	ANH VĂN	Ghi chú
40	SPS022134	1512579	1551040	BÙI NGUYỄN ĐỨC TOÀN	26/07/1997	25.75	C2(104)	
41	QGS020713	1512603	1551041	HỒ DƯƠNG MINH TRÍ	05/06/1997	24.25	C1 (95)	
42	QGS021799	1512631	1551042	ĐÀO MINH TUẤN	21/04/1997	25.25	C1(80)	
43	QST100100	1512637	1551043	NGUYỄN KHẮC TUẤN	03/03/1997		B2 (61)	TT
44	DHU025990	1512642	1551044	TRẦN VĂN DUY TUỆ	28/09/1997	25.75	C2 (106)	
45	HUI018429	1512653	1551045	NGUYỄN THANH TÙNG	14/07/1997	24.00	C1 (95)	
46	SPS025641	1512671	1551046	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VI	21/12/1997	24.00	C1 (85)	
47	TAG019683	1512674	1551047	NGUYỄN XUÂN VINH	13/08/1997	25.75	C2 (100)	
48	SPS026114	1512686	1551048	TRẦN LÊ VŨ	02/06/1997	24.75	B2 (74)	

Tổng cộng: 48 sinh viên